



Số: 83/2012/TT-BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2012

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện việc miễn, giảm, gia hạn một số khoản thu Ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường.

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường như sau:

Điều 1. Gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng

1. Gia hạn 06 tháng thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) của tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2012 (không bao gồm thuế GTGT ở khâu nhập khẩu) đối với các doanh nghiệp đang thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuộc các đối tượng sau đây:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm cả hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp nhỏ và vừa), không bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trong các lĩnh vực: xổ số, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và doanh nghiệp được xếp hạng 1, hạng đặc biệt thuộc các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty.

b) Doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến: nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử; xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội có sử dụng nhiều lao động (sau đây gọi chung là doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động).

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này là doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí về vốn hoặc lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều

3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

a) Số vốn làm căn cứ xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa là tổng nguồn vốn được thể hiện trong Bảng cân đối kế toán lập ngày 31 tháng 12 năm 2011 của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 thì số vốn làm căn cứ xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa là vốn điều lệ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

b) Số lao động bình quân năm làm căn cứ xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa (bao gồm cả số lao động của chi nhánh và đơn vị trực thuộc) là số lao động mà doanh nghiệp sử dụng thường xuyên bình quân trong năm 2011, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng.

Số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 40/2009/TT-BLĐTBXH ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn cách tính số lao động sử dụng thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 01/01/2012 thì tổng số lao động, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng, được tính từ ngày thành lập đến thời điểm 30/4/2012 (nếu thành lập trước tháng 5/2012), đến thời điểm 31/5/2012 (nếu thành lập trước tháng 6/2012), đến thời điểm 30/6/2012 (nếu thành lập trước tháng 7/2012).

c) Đối với các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh nhiều ngành nghề thì việc xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa để xác định tiêu chí vốn hoặc lao động theo quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP được căn cứ vào ngành nghề kinh doanh chính ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Trường hợp không xác định được hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp thì sử dụng một trong các tiêu chí dưới đây để xác định hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp:

- Số lao động làm việc nhiều nhất trong từng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2011.

- Doanh thu cao nhất trong từng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2011.

Trường hợp sử dụng các tiêu chí nêu trên vẫn không xác định được hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa thì căn cứ vào tiêu chí về vốn hoặc số lao động thấp nhất của ngành nghề trong số các ngành nghề mà thực tế doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh trong năm 2011 theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP.

d) Không áp dụng gia hạn 06 tháng thời hạn nộp thuế GTGT đối với các đối tượng sau đây:

d.1) Doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trong các lĩnh vực: xổ số, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trường hợp các doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trong các lĩnh vực: xổ số, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt có hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT được gia hạn ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh xổ số, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác được gia hạn và được xác định như sau:

$$\text{Thuế GTGT được gia hạn của tháng} = \text{Số thuế GTGT phải nộp theo Tờ khai của tháng được gia hạn} \times \frac{\text{Doanh thu chịu thuế GTGT của hoạt động được gia hạn trong tháng}}{\text{Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT trong tháng}}$$

d.2) Doanh nghiệp được xếp hạng 1 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2005 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn xếp hạng và xếp lương đối với thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty nhà nước.

d.3) Doanh nghiệp hạng đặc biệt theo quy định tại Quyết định số 185/TTg ngày 28 tháng 3 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt và Quyết định số 186/TTg ngày 28 tháng 3 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về danh sách các doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt.

d.4) Tổ chức kinh tế là đơn vị sự nghiệp.

3. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động (bao gồm cả số lao động của chi nhánh và đơn vị trực thuộc) trong các lĩnh vực được gia hạn nộp thuế GTGT hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều này gồm:

a) Doanh nghiệp có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm 2011 trên 300 người, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng đối với doanh nghiệp thành lập trước ngày 01/01/2012.

Đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 01/01/2012 thì tổng số lao động trên 300 người, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng được tính từ ngày thành lập đến thời điểm 30/4/2012 (nếu thành lập trước tháng 5/2012), đến thời điểm 31/5/2012 (nếu thành lập trước tháng 6/2012), đến thời điểm 30/6/2012 (nếu thành lập trước tháng 7/2012).

Hoạt động sản xuất, gia công, chế biến: nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này được xác định căn cứ theo quy định tại Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này bao gồm thi công, xây dựng, lắp đặt: nhà máy nước, nhà máy điện, công trình truyền tải, phân phối điện; hệ thống cấp thoát nước; đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông; sân bay, nhà ga, bến xe; xây dựng trường học, bệnh viện, nhà văn hoá, rạp chiếu phim, cơ sở biểu diễn nghệ thuật, cơ sở tập luyện, thi đấu thể thao; hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn; công trình thông tin liên lạc, công trình thủy lợi phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp.

b) Trường hợp doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực không được gia hạn thì số thuế GTGT được gia hạn xác định như sau:

$$\text{Thuế GTGT được gia hạn của tháng} = \text{Số thuế GTGT phải nộp theo Tờ khai của tháng được gia hạn} \times \frac{\text{Doanh thu chịu thuế GTGT của lĩnh vực được gia hạn trong tháng}}{\text{Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT trong tháng}}$$

4. Chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động ở địa phương cấp tỉnh khác nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính (không bao gồm đơn vị có hoạt động xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoài tỉnh khai thuế GTGT tạm tính theo tỷ lệ 1%, 2%) thực hiện khai thuế GTGT riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT.

Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp không có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực được gia hạn thì không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT.

Doanh nghiệp lập danh sách chi nhánh, đơn vị trực thuộc (trong đó ghi rõ tên, địa chỉ, mã số thuế, số lao động và lĩnh vực hoạt động của từng chi nhánh) và thông báo danh sách cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chi nhánh, đơn vị trực thuộc. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của danh sách Chi nhánh, đơn vị trực thuộc đã gửi cơ quan thuế.

5. Các doanh nghiệp thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại Điều này thực hiện kê khai, nộp Tờ khai thuế GTGT tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2012 theo quy định nhưng chưa phải nộp ngay số thuế GTGT phải nộp phát sinh trên Tờ khai thuế GTGT đã kê khai.

- Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 4 năm 2012 chậm nhất là ngày 20/11/2012.
- Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 5 năm 2012 chậm nhất là ngày 20/12/2012.
- Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 6 năm 2012 chậm nhất là ngày 21/01/2013.

6. Doanh nghiệp tự xác định thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT, số thuế GTGT được gia hạn, kê khai vào Phụ lục 1 (ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi cùng Tờ khai thuế GTGT của tháng được gia hạn.

Trường hợp doanh nghiệp đã nộp Tờ khai thuế GTGT tháng 4 năm 2012 nhưng chưa lập Phụ lục 1 nêu trên thì lập và gửi bổ sung cho cơ quan thuế. Trong thời gian được gia hạn nộp thuế, đơn vị không bị xử phạt chậm nộp tiền thuế.

Điều 2. Giảm tiền thuê đất

1. Giảm 50% tiền thuê đất phải nộp của năm 2012 đối với các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ đang được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm mà đơn giá thuê đất được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 03 ngày 12 năm 2010 của Chính phủ. Cơ chế giảm được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền giảm tiền thuê đất được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 17969/BTC-QLCS ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính và các văn bản của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Gia hạn 09 tháng thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2010 trở về trước mà đến ngày 10/5/2012 doanh nghiệp chưa nộp Ngân sách Nhà nước của các doanh nghiệp:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa (bao gồm cả hợp tác xã), không bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trong các lĩnh vực: xổ số, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và doanh nghiệp được xếp hạng 1, hạng đặc biệt thuộc các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty.

b) Doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến: nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử; xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội có sử dụng nhiều lao động.

c) Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cơ khí là tư liệu sản xuất, vận tải đường thủy (bao gồm cả vận tải thủy nội địa và vận tải biển), sản xuất thép, xi măng; Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Không tính phạt chậm nộp trong thời gian kể từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 30/09/2012 đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp chưa nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp quy định tại Khoản này. Trường hợp cơ quan thuế đã thông báo số tiền phạt chậm nộp thì cơ quan thuế thực hiện thông báo lại số tiền phạt chậm nộp.

Ngày 01/10/2012, các doanh nghiệp phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số thuế đã được gia hạn theo quy định tại Khoản này.

Trước ngày 01/10/2012, doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phát hiện số thuế thu nhập doanh nghiệp của thời kỳ gia hạn theo quy định tại Khoản này lớn hơn so với số thuế doanh nghiệp tự kê khai hoặc chưa kê khai thì doanh nghiệp được gia hạn số thuế thu nhập doanh nghiệp phát hiện tăng

thêm đến hết ngày 30/09/2012 và không tính phạt chậm nộp trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 30/09/2012.

Từ ngày 01/10/2012, doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phát hiện số thuế thu nhập doanh nghiệp của thời kỳ gia hạn theo quy định tại Khoản này lớn hơn so với số thuế doanh nghiệp tự kê khai hoặc chưa kê khai thì không tính phạt nộp chậm đối với số thuế phát hiện tăng thêm trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 30/09/2012.

2. Gia hạn 09 tháng thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011 mà doanh nghiệp chưa nộp Ngân sách Nhà nước của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cơ khí là tư liệu sản xuất, vận tải đường thủy (bao gồm cả vận tải thủy nội địa và vận tải biển), sản xuất thép, xi măng (trừ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trong lĩnh vực này); Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Không tính phạt chậm nộp trong thời gian kể từ ngày 01/04/2012 đến hết ngày 31/12/2012 đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp chưa nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp quy định tại Khoản này. Trường hợp cơ quan thuế đã thông báo số tiền phạt chậm nộp thì cơ quan thuế phải thực hiện thông báo lại số tiền phạt chậm nộp.

Ngày 02/01/2013, các doanh nghiệp phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số thuế đã được gia hạn theo quy định tại Khoản này.

Trước ngày 01/01/2013, doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phát hiện số thuế thu nhập doanh nghiệp của thời kỳ gia hạn theo quy định tại Khoản này lớn hơn so với số thuế doanh nghiệp tự kê khai hoặc chưa kê khai thì doanh nghiệp được gia hạn số thuế thu nhập doanh nghiệp phát hiện tăng thêm đến hết ngày 31/12/2012 và không tính phạt chậm nộp trong khoảng thời gian từ ngày 01/04/2012 đến hết ngày 31/12/2012.

Từ ngày 01/01/2013, doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phát hiện số thuế thu nhập doanh nghiệp của thời kỳ gia hạn theo quy định tại Khoản này lớn hơn so với số thuế doanh nghiệp tự kê khai hoặc chưa kê khai thì không tính phạt nộp chậm đối với số thuế phát hiện tăng thêm trong khoảng thời gian từ ngày 01/04/2012 đến hết ngày 31/12/2012.

3. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa (trừ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản); Doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến: nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử; xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội có sử dụng nhiều lao động được thực hiện gia hạn nộp thuế theo Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg, Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg, Quyết định số 04/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

4. Các doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 nêu trên nếu đang bị cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế do nợ thuế thu nhập doanh nghiệp thì tạm thời chưa thực hiện cưỡng chế thuế trong khoảng thời gian được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực: xổ số, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (kể cả trường hợp có hoạt động kinh doanh khác); Doanh nghiệp được xếp hạng 1, hạng đặc biệt thuộc Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty; Tổ chức kinh tế là đơn vị sự nghiệp không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến: nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử; xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội có sử dụng nhiều lao động; doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cơ khí là tư liệu sản xuất, vận tải đường thủy (bao gồm cả vận tải thủy nội địa và vận tải biển), sản xuất thép, xi măng có các hoạt động kinh doanh khác (ngoài hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực: xổ số, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt) thì vẫn được gia hạn đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp chưa nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều này.

6. Doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và nộp thuế theo kê khai.

7. Doanh nghiệp thuộc đối tượng được gia hạn theo quy định tại Điều này phải lập Phụ lục số 2 (ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp, trong đó xác định rõ: Trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế.

Điều 4. Miễn thuế môn bài đối với hộ đánh bắt hải sản và hộ sản xuất muối

Miễn thuế môn bài năm 2012 đối với hộ đánh bắt hải sản. Trường hợp người nộp thuế thuộc diện được miễn thuế đã nộp thuế môn bài năm 2012 thì được Ngân sách Nhà nước hoàn trả số thuế đã nộp.

Đối với hộ sản xuất muối tiếp tục miễn thuế môn bài theo quy định tại điểm 3 Thông tư số 42/2003/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 96/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 của Bộ Tài chính.

Căn cứ số bộ thuế môn bài năm 2012 đã được duyệt, trước ngày 10/6/2012, Chi cục Thuế thực hiện lập danh sách và xác định số thuế được miễn của các hộ đánh bắt hải sản thuộc đối tượng được miễn thuế môn bài năm 2012 do Chi cục quản lý thu thuế, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chi cục trưởng Chi cục Thuế ban hành Quyết định miễn thuế môn bài năm 2012 kèm theo danh sách các hộ được miễn thuế môn bài năm 2012. Chi cục Thuế lập danh sách các hộ được hoàn thuế theo từng địa bàn xã, ban hành Quyết định hoàn thuế và phối hợp với Kho bạc Nhà nước cùng cấp làm thủ tục hoàn thuế đối với số thuế nộp thừa qua UBND cấp xã trước ngày 15/6/2012.

Căn cứ danh sách miễn thuế, hoàn thuế môn bài đã được cơ quan thuế quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo số thuế được miễn đến từng hộ nộp thuế

Chỉ niêm yết công khai ở nơi thuận tiện để người nộp thuế biết. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoàn trả thuế môn bài đã nộp năm 2012 cho từng hộ đã nộp thuế trước ngày 01/7/2012.

Điều 5. Gia hạn nộp tiền sử dụng đất

1. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức kinh tế là các chủ đầu tư dự án có nghĩa vụ phải nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo của cơ quan thuế hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền nhưng đến ngày 10/5/2012 chưa nộp hoặc chưa nộp đủ thì thời gian gia hạn nộp tiền sử dụng đất tối đa 12 tháng theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và được tính từ ngày 10/5/2012.

Tổ chức kinh tế phải tiếp tục nộp tiền sử dụng đất cùng khoản tiền phạt chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn được gia hạn nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản này.

b) Các tổ chức kinh tế là các chủ đầu tư dự án có nghĩa vụ phải nộp tiền sử dụng đất phát sinh sau ngày 10/5/2012 đến ngày 31/12/2012 theo Thông báo của cơ quan thuế hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền thì thời gian gia hạn nộp tiền sử dụng đất tối đa 12 tháng theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Không tính phạt chậm nộp trong thời gian được gia hạn nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản này.

2. Căn cứ tình hình thực tế khó khăn của chủ đầu tư và mức độ ảnh hưởng của khoản thu tiền sử dụng đất để thực hiện đầu tư hạ tầng đến thu ngân sách địa phương, sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian gia hạn nộp tiền sử dụng đất cụ thể cho từng dự án hoặc nhóm dự án mà chủ đầu tư chưa nộp hoặc chưa nộp đủ tiền sử dụng đất phải nộp, thời gian gia hạn tối đa không quá 12 tháng.

3. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền gia hạn nộp tiền sử dụng đất như sau:

a) Tổ chức kinh tế thuộc đối tượng quy định tại Khoản 5 Nghị quyết số 13 NQ-CP có văn bản đề nghị trong đó báo cáo rõ những nội dung khó khăn về tài chính gửi đến Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kèm theo các hồ sơ (ban chấp có xác nhận của đơn vị) có liên quan sau:

- Quyết định giao đất để đầu tư thực hiện dự án của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Quyết định phê duyệt giá đất tính thu tiền sử dụng đất hoặc Quyết định phê duyệt tiền sử dụng đất phải nộp của cơ quan có thẩm quyền.

- Thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền phạt chậm nộp (nếu có) của cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- Những tài liệu báo cáo giải trình về khó khăn tài chính của doanh nghiệp (nếu có).

b) Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong thời hạn 10 ngày sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn nộp tiền sử dụng đất, phối hợp với Cục thuế thực hiện rà soát, lập phương án đề nghị thời hạn gia hạn cụ thể trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ phương án đề nghị của cơ quan tài chính và cơ quan thuế xem xét, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

d) Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể việc gia hạn nộp tiền sử dụng đất.

đ) Căn cứ vào quyết định gia hạn nộp tiền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục thuế tổ chức thực hiện.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các nội dung hướng dẫn tại các văn bản trước đây không phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư này thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Đối với thuế GTGT ở khâu nhập khẩu của thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 92/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài chính.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện đúng theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện theo nội dung Thông tư này.

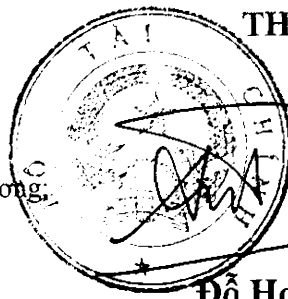
3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng BCD phòng chống tham nhũng trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính; Website Tổng cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn